

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHI XUÂN**

Số: 1866/UBND-TCKH  
V/v báo cáo quyết toán khối  
lượng, kinh phí thực hiện cơ  
chế hỗ trợ xi măng năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Nghi Xuân, ngày 14 tháng 11 năm 2019*

Kính gửi:

- Các phòng: Tài chính-Kế hoạch, Kinh tế-Hạ tầng,  
Nông nghiệp&PTNT;
- Văn phòng Điều phối xây dựng NTM huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện công văn số 4060/STC-NSHX ngày 21/10/2019 của Sở Tài chính Hà Tĩnh báo cáo quyết toán khối lượng, kinh phí thực hiện cơ chế hỗ trợ xi măng và phục hồi, nâng cấp mặt đường năm 2019.

Để có cơ sở xác định khối lượng xi măng, số kinh phí từng cấp ngân sách hỗ trợ thực hiện kế hoạch làm đường giao thông, rãnh thoát nước, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, phục hồi, nâng cấp mặt đường bê tông xi măng năm 2019. Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các Phòng, Ban và UBND các xã, thị trấn thực hiện một số nội dung như sau:

**1. Đối với các phòng, ban chuyên môn:**

- Phòng Kinh tế-Hạ tầng, Nông nghiệp&PTNT: Tổ chức thẩm định hồ sơ, Phối hợp với Phòng Tài chính-Kế hoạch kiểm tra, rà soát khối lượng thực hiện so với kế hoạch đăng ký của các xã, thị trấn.

- Phòng Tài chính-Kế hoạch liên hệ với nhà cung cấp để cung ứng kịp thời xi măng cho các xã, thị trấn, kết thúc giao nhận xi măng chậm nhất vào ngày 10/12/2019.

- Các phòng Tài chính-Kế hoạch, Nông nghiệp&PTNT, Kinh tế-Hạ tầng phối hợp thực hiện các nội dung sau:

+ Tiến hành kiểm tra, thẩm định, quyết toán khối lượng xi măng thực nhận và sử dụng để xây dựng công trình GTNT, rãnh thoát nước và KMND theo quy định.

+ Tổng hợp kết quả quyết toán khối lượng, kinh phí thực hiện cơ chế hỗ trợ xi măng năm 2019 trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn.

**2. Đối với UBND các xã, thị trấn:**

- Thời gian giao nhận xi măng kết thúc chậm nhất vào ngày 10/12/2019.

- Đối chiếu khối lượng xi măng giao nhận năm 2019; nghiệm thu, thanh lý hợp đồng về chủng loại, số lượng, chất lượng với đơn vị cung ứng.

- Nghiệm thu khối lượng công trình đường giao thông, rãnh thoát nước và KMNĐ hoàn thành theo nguyên tắc hoàn thành đến đâu nghiệm thu đến đó; biên bản nghiệm thu phải có đại diện thôn, xóm, tổ dân phố (đơn vị hưởng lợi) và phải ghi rõ khối lượng, chất lượng công trình nghiệm thu (chiều dài, độ dày, bề rộng mặt đường, lề đường,...)

- Hoàn thành các thủ tục hồ sơ quyết toán khối lượng đường giao thông, rãnh thoát nước, KMNĐ được áp dụng cơ chế hỗ trợ xi măng năm 2019 (hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 26 Quy định ban hành kèm Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh - (Ghi chú: Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của UBND cấp xã phải thể hiện chi tiết các nguồn vốn và nguồn xi măng các cấp ngân sách hỗ trợ); giá mua xi măng được xác định tại Công văn số 944/STC-NSHX ngày 27/3/2019 của Sở Tài chính Hà Tĩnh: 1.070.000 đồng/tấn.

- Đối chiếu chủng loại, khối lượng xi măng đơn vị cung ứng đã giao cho các xã, thị trấn năm 2019 (có lập biên bản).

- Kiểm tra, xác định chính xác chiều dài đường giao thông, rãnh thoát nước, KMNĐ hoàn thành được áp dụng cơ chế hỗ trợ xi măng theo quy định; Tổng hợp kết quả thực hiện và khối lượng xi măng hỗ trợ theo từng công trình, từng xã, thị trấn.

- Xác định khối lượng xi măng và kinh phí mua xi măng ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã đảm bảo.

- Hoàn thành các thủ tục, hồ sơ quyết toán khối lượng đường GTNT, rãnh thoát nước và KMNĐ được áp dụng cơ chế hỗ trợ xi măng năm 2019:

+ Quyết định phân bổ khối lượng xi măng hỗ trợ đối với từng công trình.

+ Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc thiết kế, dự toán công trình được duyệt (Trong đó phải xác định rõ khối lượng xi măng sử dụng theo thiết kế, dự toán được phê duyệt đối với từng công trình)

+ Hợp đồng cung ứng xi măng đã ký kết với đơn vị cung ứng.

+ Biên bản thanh lý hợp đồng cung ứng xi măng với đơn vị cung ứng.

+ Biên bản giao nhận xi măng giữa UBND xã với lái xe của Công ty.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành giữa chủ đầu tư và đơn vị thực hiện, trong đó xác định rõ khối lượng xi măng sử dụng xây dựng công trình.

+ Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của UBND xã, thị trấn (trong đó phải thể hiện chi tiết các nguồn vốn và nguồn xi măng các cấp hỗ trợ).

+ Các tài liệu liên quan khác (Quyết định thành lập Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn, Nghị quyết công nhận Ban giám sát cộng đồng, quyết định giao nhiệm vụ thi công, biên bản giao nhận xi măng giữa UBND xã, thị và các thôn, xóm, tổ dân phố).

*(Chi tiết có mẫu biểu báo cáo kèm theo)*

Yêu cầu UBND các xã, thị trấn nộp báo cáo và hồ sơ công trình về UBND huyện (qua phòng Tài chính-Kế hoạch - bản mềm gửi qua hệ thống phần mềm hồ sơ công việc) **trước ngày 10/12/2019** để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính. Đến thời hạn trên, nếu không có báo cáo UBND các xã, thị trấn chịu hoàn toàn trách nhiệm về kinh phí hỗ trợ xi măng năm 2019 (ngân sách xã, thị trấn phải chịu 100%). Yêu cầu các Phòng và các đơn vị thực hiện nghiêm túc, báo cáo đúng thời gian và mẫu biểu quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ LÀM ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

STT	Đơn vị	Chiều dài theo kế hoạch huyện giao (km)	Khối lượng xi măng theo kế hoạch huyện giao (tấn)	Khối lượng đường GTNT được hỗ trợ xi măng đã hoàn thành (km)	Khối lượng đường GTNT được áp dụng cơ chế hỗ trợ xi măng (km)	Chi tiết:						Khối lượng xi măng (tấn) sử dụng làm đường GTNT (tính theo KL đường đã hoàn thành QT-cột 4)	Chia ra:			Trong đó:			
						Đường trục thôn, xóm (ngõ phố)	Đường trục xã (phố)	Đường ngõ, xóm (ngách, hẻm)	Đường trục chính nội đồng	Đường vào khu chăn nuôi tập trung	Đường trực chính nội đồng		Đường trục chính nội đồng	NS cấp huyện	NS cấp xã	Giá trị quyết toán công trình hoàn thành (triệu đồng)	Kinh phí mua xi măng ngân sách các cấp hỗ trợ	Khác (quy ra tiền)	NSNN hỗ trợ
A	B	1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	
I	Cộng số liệu cấp xã đề nghị (Chỉ tiết các tuyến đường)																		
II	Kết quả cấp huyện thẩm định (Chỉ tiết tương ứng với các tuyến đường cấp xã đề nghị)																		

....., ngày tháng năm 2019

Trưởng phòng KT-HT (QLBT)

Trưởng phòng TC-KH

Chủ tịch UBND cấp xã

Người lập biểu

Ghi chú: Giá trị quyết toán công trình hoàn thành (cột 14, 15, 16, 17) tổng hợp theo quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của UBND cấp xã

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ LÀM RĂNG THOÁT NƯỚC NĂM 2019 ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

STT	Đơn vị	Chiều dài theo kế hoạch huyện giao (km)	Khối lượng xi măng theo kế hoạch huyện giao (tấn)	Khối lượng rãnh thoát nước được hỗ trợ xi măng đã hoàn thành (km)	Khối lượng rãnh thoát nước được áp dụng cơ chế hỗ trợ xi măng (km)	Chi tiết:				Khối lượng xi măng (tấn) sử dụng hỗ trợ làm rãnh thoát nước (tính theo KL rãnh đã hoàn thành QT - cột 4)	Chia ra:			Trong đó:		
						Rãnh BTXM không có nắp đậy	Rãnh BTXM có nắp đậy	Rãnh gạch xây không có nắp đậy	Rãnh gạch xây có nắp đậy		NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Kinh phí mua xi măng ngân sách các cấp hỗ trợ	Khác (quy ra tiền)	Giá trị quyết toán công trình hoàn thành (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4=3+6+7+8	5	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	14	15	16
A	Cộng số liệu cấp xã đề nghị															
I	Rãnh thoát nước trên đường trực xã, đường phố (Chỉ tiết các tuyến rãnh)															
II	Rãnh thoát nước trên đường trực thôn, ngõ phố (Chỉ tiết các tuyến rãnh)															
B	Kết quả cấp huyện thẩm định															
I	Rãnh thoát nước trên đường trực xã, đường phố (Chỉ tiết các tuyến rãnh)															
II	Rãnh thoát nước trên đường trực thôn, ngõ phố (Chỉ tiết các tuyến rãnh)															

..... ngày tháng năm 2019

Trưởng phòng KT-HT (QLĐT)

Trưởng phòng TC-KH

Chủ tịch UBND cấp xã

Người lập biểu

Ghi chú: Giá trị quyết toán công trình hoàn thành (cột 13, 14, 15, 16) tổng hợp theo quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của UBND cấp xã

**BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KHỐI LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ LÀM KÈNH MƯƠNG NỘI ĐỒNG NĂM 2019 ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

STT	Chỉ tiêu	Chiều dài theo kế hoạch huyện giao (km)	Khối lượng xi măng theo kế hoạch huyện giao	Khối lượng KMND được áp dụng cơ chế hỗ trợ xi măng đã hoàn thành (km)	Khối lượng KMND được áp dụng cơ chế hỗ trợ xi măng (km)	Chỉ tiết:		Khẩu độ diện kênh	Khối lượng xi măng (tấn) sử dụng làm KMND (tính theo KL KMND đã hoàn thành QT-cột 4)	Chia ra:			Trong đó:			
						Kênh bê tông	Kênh gạch xây			NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Giá trị quyết toán công trình hoàn thành (trịệu đồng)	Kinh phí mua xi măng ngân sách các cấp hỗ trợ	Khác (quy ra tiền)	NSNN hỗ trợ
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15
I	Số liệu xã đề nghị (Chi tiết các tuyến kênh)															
II	Kết quả cấp huyện thẩm định (Chi tiết tương ứng với các tuyến kênh cấp xã đề nghị)															

....., ngày tháng năm 2019

Trưởng phòng NN&PINT (KT)

Trưởng phòng TC-KH

Chủ tịch UBND cấp xã

Người lập biểu

Ghi chú: Giá trị quyết toán công trình hoàn thành (cột 12, 13, 14, 15) tổng hợp theo quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của UBND cấp xã